

TỔ CHỨC DẠY HỌC VĂN HỌC THIẾU NHI CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Trần Văn Tuấn

Trường Đại học Trà Vinh
Email: tuandhtv@gmail.com

Article history

Received: 14/10/2022

Accepted: 03/11/2022

Published: 20/12/2022

Keywords

Literature for children,
primary education,
competency development,
Tra Vinh university

ABSTRACT

Competency-oriented teaching is a form of teaching organization aimed at developing learners' qualities and capacities, widely used by many teachers from primary schools to universities, across multiple areas, from natural sciences to social sciences. In this study, this form of teaching organization was applied to teach literature-for-children modules to primary education students in order to develop essential professional competencies for their future career, including creativity, proactiveness, self-studying, self-discovery, collaboration, presentation, communication and pedagogical competencies, etc. The article focuses on teaching literature for children for students of Primary Education at Tra Vinh University in the direction of capacity development. Competency-based teaching is a form of teaching organization aimed at developing self-reliance, creativity, cooperation and solidarity in learners.

1. Mở đầu

Văn học thiếu nhi (VHTN) ở mỗi dân tộc khác nhau có những đặc trưng không giống nhau. Tuy nhiên, những tác phẩm hay được mọi người đón nhận đều gặp nhau ở những điểm chung, đó là hướng về mục đích nhân văn, hướng tới cái thiện, cái đẹp trong cuộc sống. “VHTN được bạn đọc nhỏ tuổi yêu thích và có ảnh hưởng lớn đến việc hình thành nhân cách của trẻ” (Bùi Thanh Truyền, 2019, tr 11) và có vai trò quan trọng đối với sự hình thành và phát triển toàn diện nhân cách con người ngay từ thuở ấu thơ. VHTN là học phần bắt buộc đối với việc đào tạo chuyên ngành Giáo dục tiểu học ở các trường đại học. Sau khi ra trường, sinh viên (SV) trở thành giáo viên giảng dạy tại các trường tiểu học. Họ sẽ là những người trực tiếp giảng dạy VHTN cho HS tiểu học. Vì vậy, nghiên cứu về dạy học VHTN cho SV ngành Giáo dục tiểu học là một trong những nghiên cứu thiết thực, nhằm nâng cao chất lượng dạy học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục của Đảng và Nhà nước đề ra.

Sau khi đề cập một số khái niệm cơ bản, bài báo trình bày về dạy học VHTN cho SV ngành Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Trà Vinh theo định hướng phát triển năng lực (NL).

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm cơ bản

- VHTN

Hiện chưa có sự thống nhất giữa các nhà nghiên cứu về khái niệm “VHTN”. Một số tác giả đã định nghĩa VHTN bằng cách phân định độ tuổi của độc giả. Margaret (1988) cho rằng VHTN là văn học dành cho lứa tuổi từ sơ sinh đến 13 tuổi. Temple và cộng sự (2002) nhận định: “VHTN là tập hợp những cuốn sách đọc cho trẻ em và được đọc bởi trẻ em... từ sơ sinh tới 15 tuổi”. Susina khẳng định: “VHTN bao gồm những văn bản được viết riêng cho trẻ em, những văn bản được trẻ em lựa chọn” (dẫn theo Nguyễn Thị Thanh Hương, 2016).

Nhà văn Lê Phương Liên quan niệm: “VHTN là một thể loại văn học đặc thù nhằm phục vụ một đối tượng văn học rộng lớn bao gồm: lứa tuổi mầm non (dưới 6 tuổi), lứa tuổi nhi đồng (từ 6-10 tuổi), lứa tuổi thiếu niên (từ 11-13 tuổi), tuổi mới lớn (từ 13, 14 tuổi đến 18, 19 tuổi)” (dẫn theo Nguyễn Thị Thanh Hương, 2016). Trong khi đó, Văn Thanh và Nguyễn An (2002) cho rằng VHTN là: “Những tác phẩm văn học được các nhà văn sáng tạo ra với mục đích giáo dục, bồi dưỡng tâm hồn, tính cách cho thiếu nhi. Nhân vật trung tâm của nó là thiếu nhi, và đôi khi cũng là người lớn, hoặc là một con gió, một loài vật, một đồ vật, một cái cây... Tác giả của VHTN không chỉ là chính các em mà cũng là các nhà văn thuộc mọi lứa tuổi. VHTN là những tác phẩm được thiếu nhi thích thú tìm đọc” (tr 6).

Như vậy, VHTN là những tác phẩm viết về thiếu nhi và viết cho thiếu nhi do người lớn hoặc trẻ em sáng tác, được nhìn qua lăng kính trẻ thơ, có nội dung hướng đến giáo dục, bồi dưỡng tâm hồn, nhân cách trẻ em ở mọi lứa

tuổi khác nhau. Những sáng tác viết cho thiếu nhi bao gồm: những tác phẩm viết cho trẻ em tuổi mầm non; những tác phẩm viết cho thiếu niên, nhi đồng; những tác phẩm viết cho tuổi mới lớn.

- *Năng lực*

Khái niệm “NL” có nhiều cách hiểu khác nhau: Theo Hoàng Phê (2000) thì NL có nghĩa như sau: “1. Khả năng, điều kiện chủ quan hoặc tự nhiên sẵn có để thực hiện một hoạt động nào đó; 2. Phẩm chất tâm lí và sinh lí tạo cho con người khả năng hoàn thành một hoạt động nào đó với chất lượng cao”. John Erpenbeck cho rằng “NL được tri thức làm cơ sở, được sử dụng như khả năng, được quy định bởi giá trị, được tăng cường qua kinh nghiệm được hiện thực hoá qua ý chí”. Weinert (2001) định nghĩa: “NL là những khả năng nhận thức và kĩ năng vốn có hoặc học được của cá thể nhằm giải quyết các vấn đề xác định, cũng như sự sẵn sàng về động cơ, ý chí, ý thức xã hội và khả năng vận dụng các cách giải quyết vấn đề trong những tình huống thay đổi một cách thành công và có trách nhiệm” (dẫn theo Bernd Meier và Nguyễn Văn Cường, 2019).

NL là khả năng thực hiện thành công và có trách nhiệm các nhiệm vụ, giải quyết các vấn đề trong các tình huống xác định cũng như các tình huống thay đổi trên cơ sở huy động tổng hợp các kiến thức, kĩ năng và các thuộc tính tâm lí khác như động cơ, ý chí, quan niệm, giá trị..., suy nghĩ thấu đáo và sự sẵn sàng hành động.

Như vậy, tùy theo từng lĩnh vực mà khái niệm “NL” có nhiều cách hiểu khác nhau. Ở đây, với giới hạn đề tài, chúng tôi chọn phát triển những NL phù hợp với đặc thù của môn học và ngành học như: NL tự chủ và tự học, NL giao tiếp hợp tác, NL giải quyết vấn đề sáng tạo, NL ngôn ngữ, và những NL sư phạm.

2.2. Khái quát chung về phương pháp dạy học

“Phương pháp dạy học là cách thức hoạt động phối hợp thống nhất giữa giảng viên (GV) và SV trong những điều kiện xác định nhằm thực hiện tối ưu mục tiêu và các nhiệm vụ dạy học” (Nguyễn Thị Thanh Hồng, 2019, tr 26). Theo Didactica Magna (1657) “Mục tiêu đầu tiên và cuối cùng của lí luận dạy học của chúng ta đó là tìm ra và nhận biết phương pháp dạy học, ở phương pháp nào giáo viên phải ít dạy hơn, tuy nhiên HS lại học nhiều hơn, ở phương pháp nào mà bầu không khí trong các trường học ít sự ồn ào, buồn tẻ và nỗ lực vô ích, có nhiều tự do, niềm vui và tiến bộ thật sự hơn” (dẫn theo Bernd Meier và Nguyễn Văn Cường, 2019, tr 97).

Như vậy, phương pháp là cách thức tổ chức hoạt động dạy học của GV và cách thức tổ chức hoạt động học tập và nghiên cứu của SV. Trong đó, phương pháp dạy học quyết định và điều khiển phương pháp học, phương pháp học của SV dựa và phương pháp dạy của GV. Với học phần VHTN, chúng tôi chọn những phương pháp dạy học tích cực để SV tiếp nhận và khám phá nội dung chương trình; ở đó, GV sẽ là người hướng dẫn SV làm việc nhiều hơn.

2.3. Dạy học theo định hướng phát triển năng lực

Dạy học theo định hướng phát triển NL “Không chỉ nhằm mục tiêu phát triển NL chuyên môn bao gồm tri thức, kĩ năng chuyên môn mà còn phát triển NL phương pháp, NL xã hội và NL cá thể. Những NL này không tách rời nhau mà có mối quan hệ chặt chẽ” (Bernd Meier và Nguyễn Văn Cường, 2019, tr 69); “không chỉ dạy những kiến thức sách vở, không chỉ là giáo dục trong thời gian ngắn tại trường quan trọng hơn đó là cuộc sống thực” (lời phát biểu Hiệu trưởng Trường Đại học Harvard bà Drew G. Faust - dẫn theo Nguyễn Trọng Hoàn, 2019, tr 64). Như vậy, để dạy học theo định hướng phát triển NL, GV cần thiết kế các hoạt động dạy học, hướng dẫn người học tự tìm kiếm kiến thức, chia sẻ, trình bày kiến thức trước lớp học, hạn chế việc thuyết trình. GV cần sử dụng những phương pháp dạy học tích cực để phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học.

2.4. Tổ chức dạy học theo định hướng phát triển năng lực

2.4.1. Xác định mục tiêu bài học

Mục tiêu đầu tiên cần xác định đó là khối lượng kiến thức của chủ đề cho SV cần đạt được như: khi dạy chủ đề *Khái quát về VHTN Việt Nam*, GV cần xác định kiến thức SV cần đạt được: khái niệm, quá trình phát triển, đặc trưng nội dung và thể loại; hoặc, ở chuyên đề *Tác giả văn học*, GV cần xác định rõ mục tiêu kiến thức SV cần đạt: đó là SV phải nắm khái quát về cuộc đời, sự nghiệp và phong cách nghệ thuật, vị trí của tác giả trong tiến trình lịch sử văn học cũng như những tác phẩm tiêu biểu trong nhà trường, đặc biệt là trong chương trình Tiếng Việt ở tiểu học để SV có những hình dung ban đầu về vai trò và giá trị của VHTN.

Mục tiêu thứ hai là những NL cần phát triển cho SV. Ví dụ: khi tổ chức dạy học chủ đề *Khái quát VHTN Việt Nam* cần phát triển các NL: Tự học, tự chủ, làm việc nhóm, thuyết trình, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo; thẩm mĩ, NL tư duy, NL sư phạm, NL tự đánh giá hoạt động cá nhân và nhóm.

Mục tiêu thứ ba, SV cần đạt được sau khi học xong một đơn vị kiến thức phải phát triển được những phẩm chất cụ thể. Ví dụ: khi dạy tác phẩm *Đất rừng phương Nam*, GV cần xác định những phẩm chất như sau: Biết trân trọng

đặc trưng tính cách và đặc trưng vùng đất Nam Bộ, luôn có ý thức rèn luyện các kỹ năng dạy học ngay trong quá trình học tập ở nhà trường sư phạm.

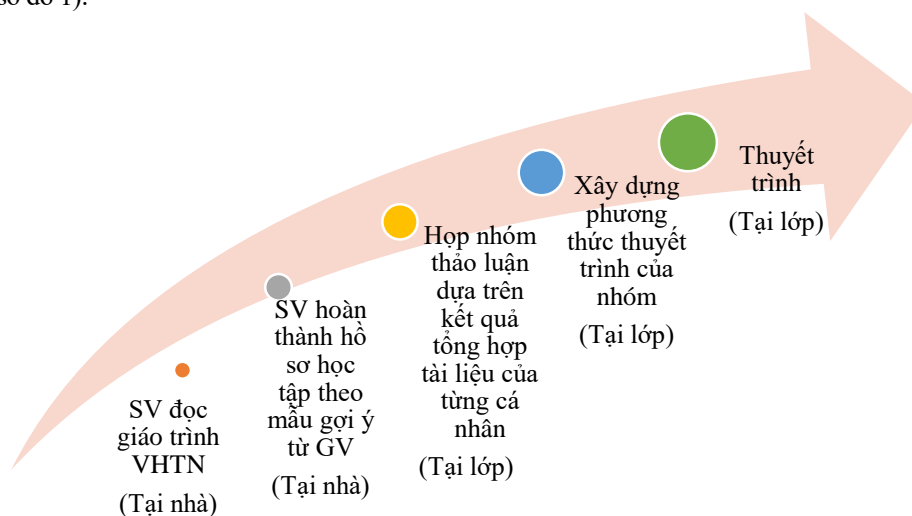
2.4.2. Thiết kế phiếu học tập

Thiết kế phiếu học tập là một trong những nội dung cơ bản và quan trọng của việc dạy học phát triển NL người học. Căn cứ vào chủ đề, GV sẽ thiết kế các loại phiếu học tập cụ thể. GV chỉ cần hỗ trợ giúp SV hoàn thành nhiệm vụ học tập, lúc này GV không còn truyền đạt kiến thức như dạy học truyền thống, SV tự tìm kiếm kiến thức mà không còn thụ động nghe GV giảng và ghi chép. Với các dạng bài học khác nhau, GV sẽ xây dựng những phiếu học tập phù hợp. Khi dạy học chủ đề Khái quát về VHTN, hoặc Tác gia văn học, Tác phẩm văn học..., các phương pháp thiết kế cơ bản phù hợp với từng loại bài.

2.4.3. Tổ chức hoạt động dạy học

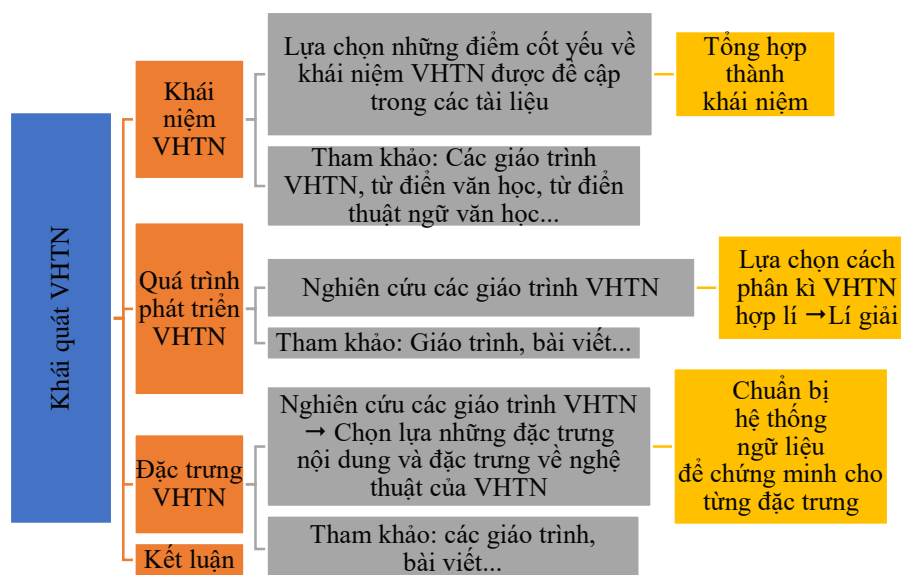
Trước khi tổ chức dạy học, GV cần xác định nội dung VHTN Việt Nam gồm những nội dung cụ thể như sau:

Phần 1: Khái quát quá trình hình thành phát triển và đặc trưng VHTN. Ở phần này, chúng tôi sẽ tiến hành dạy học như sau (sơ đồ 1):



Sơ đồ 1. Tiến trình dạy học phần 1: Khái quát quá trình hình thành phát triển và đặc trưng VHTN

Khi xác định tiến trình dạy, GV sẽ thiết kế phiếu học tập theo một sơ đồ mẫu, SV sẽ hoàn thành sơ đồ theo cách riêng của mình. Sơ đồ mẫu cho phần Khái quát về VHTN Việt Nam như sau (sơ đồ 2):



Sơ đồ 2. Sơ đồ mẫu cho phần Khái quát về VHTN Việt Nam

Mục đích của việc thiết kế sơ đồ mẫu là nhằm giúp SV phát triển NL tự học, tự nghiên cứu. Với sơ đồ mẫu, SV tự tìm kiếm tài liệu hoàn thành nội dung kiến thức trước khi đến lớp.

Sau khi các thành viên hoàn thành nội dung kiến thức, GV sẽ tiến hành kiến tạo nhóm. Lúc này, các thành viên trong nhóm sẽ hợp tác, trao đổi những nội dung và phương pháp, cũng như phân công thành viên thuyết trình.

Như vậy, việc kết hợp các thành viên trong lớp lại với nhau tạo thành những nhóm nhất định, các thành viên sẽ trao đổi, thống nhất những nội dung kiến thức phù hợp nhất cần đưa lên trình bày trước lớp.

Phần 2: Phân tích tác phẩm văn học

Khi phân tích tác phẩm văn học, chúng tôi sẽ tiến hành tổ chức dạy học theo các bước sau: *SV đọc tác phẩm tại nhà* -> *SV hoàn thành hồ sơ học tập theo mẫu từ GV (tại nhà)* -> *Hợp nhóm thảo luận dựa trên kết quả đọc của từng cá nhân (tại lớp)* -> *Xây dựng phương thức thuyết trình (tại lớp)* -> *Thuyết trình (tại lớp)*

Khi xác định các bước tổ chức dạy học, GV sẽ tiến hành thiết kế phiếu học tập, SV tự hoàn thiện theo yêu cầu của GV. Các truyện *Dế Mèn phiêu lưu kí* và *Đất rừng phương Nam* có nét tương đồng về hành trình của hai nhân vật chính, chúng tôi thiết kế một mẫu phiếu học tập cho hai truyện với tên gọi: Hành trình theo chân nhân vật Dế Mèn (*Dế Mèn phiêu lưu kí*) hoặc An (*Đất rừng phương Nam*)

Nhiệm vụ của SV là lập hồ sơ nhân vật. Khi lập hồ sơ nhân vật, hãy chú ý đến những yếu tố tạo nên chân dung nhân vật, SV có thể tham khảo ở bảng 1 sau:

Bảng 1. Lập hồ sơ nhân vật

Chặng	Đặc điểm nhân vật	
Chặng 1	Hành động:...	Nhận xét về tính cách
	Ngôn ngữ: ...	
	Suy nghĩ:...	
Chặng 2	Gặp gỡ những ai?.....	
	Hành động:...	
	Ngôn ngữ:...	
	Suy nghĩ:...	
	Hành động:...	
Ngôn ngữ:...		
Suy nghĩ:...		

SV hoàn thành phiếu học tập phát triển NL tự học, NL nhận diện phân tích các vấn đề trong tác phẩm văn học về đặc điểm, hành động, ngôn ngữ, tính cách nhân vật, cùng với đó là những đặc trưng nghệ thuật của tác phẩm văn học. SV sẽ tiến hành kiến tạo nhóm, các thành viên sẽ trao đổi thảo luận nhóm những nội dung cần thiết trình, phương pháp và phân công người thuyết trình: Các nhóm sẽ tổ chức thuyết trình có thể tuân theo trình tự sau: (1) Tóm tắt; (2) cốt truyện; (3) Nhân vật; (4) Không gian; (5) Thời gian; (6) Nghệ thuật. Như vậy, việc tổ chức dạy học nhóm đối với thể loại tác phẩm văn học, GV cần cho SV thời gian để đọc tác phẩm. SV được tiếp cận tác phẩm văn học để tránh trường hợp GV sẽ “giảng chay” trong khi SV chưa đọc qua tác phẩm văn học.

2.4.4. Tổ chức kiểm tra, đánh giá

Khi dạy học VHTN theo định hướng phát triển NL, chúng tôi có những hình thức đánh giá như sau:

Thứ nhất, GV đánh giá Hồ sơ học tập của SV như bảng sau:

Bảng 2. GV đánh giá Hồ sơ học tập của SV

Điểm	Hình thức hồ sơ (2,0 điểm)
2.0	Thể hiện tính chuyên nghiệp; đẹp; sáng tạo; cấu trúc khoa học; truy cập, sử dụng dễ dàng.
1.5	Đẹp; cấu trúc khoa học; truy cập, sử dụng dễ dàng.
1.0	Cấu trúc khoa học; truy cập, sử dụng dễ dàng.
0,5	Cấu trúc chưa khoa học; chưa giúp cho việc truy cập, sử dụng dễ dàng.
Nội dung hồ sơ (4,0 điểm)	
4.0	Phù hợp với mục tiêu; đầy đủ các mục; sản phẩm phong phú, đa dạng, số lượng vượt mức so với yêu cầu và tất cả có chất lượng tốt.
3.0	Đủ các mục theo yêu cầu; sản phẩm học tập phù hợp với mục tiêu, phong phú, đa dạng và có chất lượng tương đối.
2.0	Đủ các mục theo yêu cầu của một hồ sơ; sản phẩm phù hợp với mục tiêu và đa số có chất lượng tốt.

1.0	Chưa đủ các mục theo yêu cầu của một hồ sơ; có những sản phẩm chưa phù hợp với mục tiêu và có sản phẩm chất lượng chưa tốt.
NL thực hiện hồ sơ (4,0 điểm)	
4.0	Hiểu sâu sắc về hồ sơ học tập; chủ động, sáng tạo, say mê trong việc lập kế hoạch, triển khai hồ sơ; sử dụng hiệu quả hồ sơ để nâng cao hiệu quả học tập; biết tự đánh giá hồ sơ; có thể giúp các bạn khác trong nhóm, lớp triển khai và đánh giá hồ sơ.
3.0	Hiểu rõ về hồ sơ học tập; chủ động trong việc lập kế hoạch, triển khai hồ sơ; sử dụng hiệu quả hồ sơ để nâng cao hiệu quả học tập; biết tự đánh giá hồ sơ; có thể giúp các bạn khác trong nhóm, lớp triển khai và đánh giá hồ sơ.
2.0	Hiểu những điều căn bản về hồ sơ học tập; biết lập kế hoạch, triển khai hồ sơ; biết sử dụng hồ sơ để nâng cao hiệu quả học tập; biết tự đánh giá hồ sơ; đôi khi cần sự trợ giúp của GV hoặc của SV khác trong việc tiến hành các khâu trên.
1.0	Chưa hiểu rõ về hồ sơ học tập; cần có sự giúp đỡ của GV hoặc các SV khác trong việc lập kế hoạch, triển khai hồ sơ, sử dụng hồ sơ để nâng cao hiệu quả học tập, tự đánh giá hồ sơ.
Tổng điểm: 10.0	

Khi đánh giá hồ sơ học tập của SV, GV sẽ công bố các tiêu chí cụ thể trước khi dạy học để SV nắm bắt và thực hiện. Cách đánh giá này tạo sự kích thích cho SV sáng tạo về hình thức trình bày cũng như những nội dung SV phát hiện trong quá trình đọc tài liệu.

Thứ hai, các thành viên trong nhóm sẽ đánh giá nhau qua quá trình trao đổi thảo luận ý kiến.

Chúng tôi sẽ thiết kế phiếu đánh giá về thái độ làm việc, tính tương tác của cá nhân trong khi làm việc nhóm và kết quả cá nhân đã tìm ra trong quá trình đọc tài liệu. Thành viên trong nhóm sẽ không tự đánh giá bản thân, mà để thành viên khác đánh giá về mình. Phiếu đánh giá như sau:

PHIẾU ĐÁNH GIÁ CÁC THÀNH VIÊN TRONG NHÓM

Họ và tên người đánh giá:

Tiêu chí	Yêu cầu		Điểm tối đa	SV tự đánh giá	Ghi chú
Thái độ	1	Tuân thủ theo sự điều hành của tập thể	1		
	2	Thể hiện sự hứng thú đối với nhiệm vụ được giao	1		
	3	Tích cực, tự giác trong học tập	1		
Tổ chức tương tác	4	Thể hiện sự ham hiểu biết	1		
	5	Thể hiện được vai trò của cá nhân trong nhóm	1		
	6	Cá nhân có đóng góp ý kiến trong nhóm	1		
	7	Có sự sáng tạo trong hoạt động	1		
	8	Tham gia vào tất cả các giai đoạn làm việc nhóm	1		
Kết quả	9	Sản phẩm có những điểm mới để nhóm khác học tập	1		
	10	Sản phẩm đạt yêu cầu, có chất lượng	1		

Họ và tên người được đánh giá:

Thứ ba, đánh giá khả năng thuyết trình của các nhóm khác. Khi một nhóm thuyết trình các nhóm khác sẽ đánh giá về nội dung kiến thức, kỹ năng thuyết trình và phong cách thuyết trình. Phiếu đánh giá được thiết kế như sau:

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ BÀI THUYẾT TRÌNH NHÓM

Nội dung bài thuyết trình:

Nhóm đánh giá:

Nhóm được đánh giá:

STT	Tiêu chí		Điểm đạt	Tổng điểm	Ghi chú
1	Chủ đề kiến thức	Hình thức		2.0	
		Nội dung		2.0	
2	Kỹ năng thuyết trình			2.0	
3	Phong cách thuyết trình			2.0	
4	Kỹ năng hợp tác			2.0	
5	Phương tiện hỗ trợ			2.0	

Như vậy, khi dạy học theo định hướng phát triển NL, chúng tôi không đánh giá việc học của SV thông qua bài kiểm tra truyền thống mà sẽ tiến hành với nhiều hình thức đánh giá khác nhau (như việc đánh giá này tạo sự hứng thú trong quá trình dạy học). Việc đánh giá cũng không dừng lại ở GV đánh giá SV mà thay vào đó SV sẽ được đánh giá các thành viên trong lớp. Ngoài ra, SV cũng đánh giá ngược lại việc tổ chức dạy học của GV để GV kịp thời điều chỉnh phương pháp tổ chức dạy học.

3. Kết luận

Dạy học phát triển NL là một hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển tính tự lực, sáng tạo, hợp tác làm việc, thái độ đoàn kết ở người học. Để phát huy tính tích cực của người học, GV phải vận dụng những phương pháp dạy học tích cực, hạn chế việc GV thuyết trình cung cấp kiến thức có sẵn SV chỉ thụ động tiếp nhận kiến thức.

Trong dạy học VHTN cho SV ngành Giáo dục tiểu học ở Trường Đại học Trà Vinh, chúng tôi đã tiến hành thiết kế các hoạt động dạy học và kiểm tra, đánh giá. Các hoạt động do GV thiết kế là các phiếu học tập cho từng đơn vị kiến thức, cho SV tự nghiên cứu tài liệu; mỗi cá nhân hoàn thành phiếu học tập, thống nhất trao đổi và chia sẻ với nhau về những kiến thức mình đã tự tìm kiếm. Ngoài việc SV tự tìm kiếm kiến thức phát triển NL tự học, tự nghiên cứu thì trong dạy học phát triển NL hợp tác, các thành viên được làm việc nhóm, đưa ra ý kiến cá nhân bảo vệ ý kiến cá nhân và tôn trọng ý kiến tập thể. Trong quá trình đó, GV chỉ là người hướng dẫn SV chủ động hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Một khâu quan trọng cuối cùng của dạy học phát triển NL là GV sẽ tổ chức những hình thức đánh giá khác nhau ngoài việc sử dụng bài luận. GV sẽ đánh giá vào Phiếu học tập về khả năng hoàn thành nhiệm vụ của SV. Trong tổ chức đánh giá có sự đa dạng về vai trò người đánh giá: nếu trong dạy học truyền thống, GV sẽ đánh trực tiếp SV thông qua kiến thức kỹ năng, thái độ thì trong dạy học phát triển NL, ngoài việc GV đánh giá SV thì SV tự đánh giá với nhau và SV đánh giá ngược lại GV để người dạy có sự điều chỉnh về phương pháp dạy học cho phù hợp.

Tài liệu tham khảo

- Bernd Meier, Nguyễn Văn Cường (2019). *Lí luận dạy học hiện đại: cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học*. NXB Đại học Sư phạm.
- Bộ GD-ĐT. *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng GD-ĐT).
- Bùi Thanh Truyền (2019). *Văn học thiếu nhi*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Đoàn Giỏi (2022). *Đất rừng phương Nam*. NXB Kim Đồng.
- Hoàng Phê (2002). *Từ điển tiếng Việt*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Hoàng Thị Hồng Phương (2020). Tổ chức dạy học văn học thiếu nhi Việt Nam cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học. *Tạp chí Giáo dục*, 470, 24-29; 23.
- Margaret, M. R. (1988). *An Introduction to the world of children's books*. Gower Publishing Company, Hardcover.
- Nguyễn Thị Thanh Hồng (2019). *Lí luận dạy học đại học - Tài liệu nghiệp vụ chuyên đề nghiệp vụ sư phạm*. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Nguyễn Thị Thanh Hương (2016). *Về định nghĩa văn học thiếu nhi*. Tạp chí điện tử Văn hóa nghệ thuật, <http://vanhoanghethuat.vn/ve-dinh-nghia-van-hoc-thieu-nhi.htm>
- Nguyễn Trọng Hoàn (2019). *Dạy học Ngữ văn theo định hướng năng lực*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Temple, C., Martinez, M., Yokota, J., & Naylor, A. (2002). *Children's books in children's hands: An introduction to their literature*. Allyn & Bacon.
- Vân Thanh, Nguyễn An (2002). *Bách khoa thư văn học thiếu nhi Việt Nam*. NXB Từ điển Bách khoa.